TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ. H** **TỈNH K. T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 65/2021/QĐST-HNGĐ	*Đ. H, ngày 28 tháng 12 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 99/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/11/2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* giữa:

Nguyên đơn: Anh Dương Văn Q, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Đ. X, xã Đ. Ng, huyện Đ. H, tỉnh . T.

Bị đơn: Y Kh, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Kon R, xã Đ. U, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Dương Văn Q và chị Y Kh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: anh Dương Văn Q và chị Y Kh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hai đương sự tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Hai đương sự xác nhận vợ chồng có 02 con chung và thảo thuận. Giao cháu Dương Văn H, sinh ngày 31/7/2017 cho anh Dương Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hàn đủ 18 tuổi và sống tự lập được. Giao cháu Dương Quốc Tr, sinh ngày 30/9/2020 cho chị Y Kh

trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi và sống tự lập được. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Anh Q, chị Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Thuận tình ly hôn là **150.000** đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) các đương sự phải chịu. Anh Dương Văn Q thoả thuận chịu 150.000 đồng *một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Q đã nộp là **300.000** đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0001600 ngày 19/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. H, tỉnh K. T. Anh Dương Văn Q được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là **150.000** đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đ. N;
- TAND tỉnh K. T;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện .Đ. H;
- Chi cục THADS huyện Đ. H;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Quách Văn N